

Số: **2250** /QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **17** tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức
nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán, giai đoạn 2021 - 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của
Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất
và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 -
2025”;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng
lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây
trồng lâm nghiệp chính;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm
sinh;*

*Căn cứ Quyết định số 3697/QĐ-BNN-TCLN ngày 24 tháng 9 năm 2018
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hướng dẫn kỹ thuật nhân
giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch quả và sơ chế hạt cây Mắc ca;*

*Căn cứ Quyết định số 3702/QĐ-BNN-TT ngày 24 tháng 9 năm 2018 của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình trồng xen cây Hồ
tiêu, cây Bơ, cây Sầu riêng trong vườn Cà phê vối;*

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Tỉnh ủy Đắk Nông tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỉ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 8/9/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định về một số chính sách bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành quy định về việc triển khai Nghị quyết số 60/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và một số chính sách của Trung ương về lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 807/BC-SNN ngày 03 tháng 12 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán, giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đề án: Phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán giai đoạn 2021 - 2025.

2. Mục tiêu

- Mục tiêu chung: Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán, nhằm quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai, tài nguyên rừng có hiệu quả, bền vững; góp phần nâng tỉ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt trên 40% vào năm 2025; huy động hiệu quả các nguồn lực (nguồn vốn, nguồn nhân lực, khoa học kỹ thuật...) tham gia bảo vệ và phát triển rừng, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp; phát huy vai trò và tầm quan trọng của rừng trong việc bảo vệ môi trường, nguồn nước và phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Rà soát, đánh giá và lập hồ sơ diện tích chưa có rừng quy hoạch cho phát triển rừng hiện đang sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp thuộc các

đơn vị chủ rừng là tổ chức, để đưa vào phát triển rừng bằng phương thức Nông lâm kết hợp (5.925 ha) và trồng cây phân tán (241 ha);

+ Phát triển được 5.925 ha rừng Nông lâm kết hợp (bình quân mỗi năm đạt 1.481 ha) và 241 ha được trồng cây phân tán, tương đương 48,200 nghìn cây (bình quân mỗi năm trồng được 12,050 nghìn cây) trên đất quy hoạch cho phát triển rừng nhằm góp phần nâng cao tỉ lệ che phủ của rừng trên toàn tỉnh đạt trên 40% vào năm 2025; tăng năng suất, chất lượng và giá trị của mô hình Nông lâm kết hợp và cây trồng phân tán;

+ Phân đầu đến năm 2025, đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh rừng bằng phương thức Nông lâm kết hợp thành một nghề cải thiện đời sống, tăng thu nhập cho người dân, người đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa; góp phần giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và ổn định dân cư trên địa bàn các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

3. Nhiệm vụ

a) Rà soát, xác định diện tích đưa vào xây dựng Đề án

Diện tích tiềm năng thực hiện Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán là đất chưa có rừng, quy hoạch cho phát triển rừng, hiện đang sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp; để đảm bảo tiêu chí về rừng, trong tổng diện tích đất rà soát 36.815,02 ha đáp ứng yêu cầu để triển khai thực hiện phát triển rừng bền vững bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán. Cụ thể như sau:

- Trồng rừng Nông lâm kết hợp: Căn cứ tình hình thực tế, trong giai đoạn 2022 – 2025, Đề án lựa chọn một phần diện tích thuộc quản lý của một số chủ rừng Nhà nước và 02 Cộng đồng Bon Choih và Thôn Phú Lợi (huyện Krông Nô) để thực hiện, tiến hành tổng kết, đánh giá làm cơ sở triển khai tiếp đối với diện tích còn lại trên địa bàn toàn tỉnh sau năm 2025. Tổng diện tích là 5.925 ha (không thực hiện đối với diện tích đất rừng đặc dụng), chi tiết theo biểu sau:

STT	Tên chủ rừng	Diện tích theo loại đất rừng (ha)		Tổng cộng
		Phòng hộ	Sản xuất	
1	Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Măng	750		750
2	Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa	802	63	865
3	Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên	55		55
4	Ban quản lý rừng phòng hộ Vành đai Biên giới	500		500
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Đăk N'Tao		750	750
6	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Đại Thành		50	50

7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Hòa		700	700
8	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên		900	900
9	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Sơn		800	800
10	Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	25		25
11	Trung đoàn 726	219	61	280
12	Cộng đồng Bon Choih, huyện Krông Nô		110	110
13	Cộng đồng thôn Phú Lợi, huyện Krông Nô		140	140
Tổng cộng		2.351	3.574	5.925

- Trồng cây phân tán: Phạm vi Đề án xác định diện tích trồng cây phân tán là diện tích manh mún, nhỏ lẻ có diện tích liền vùng nhỏ hơn 0,3 ha không phù hợp thực hiện trồng Nông lâm kết hợp thuộc quy hoạch phát triển rừng. Tổng diện tích thực hiện của Đề án là 241 ha, cụ thể như sau:

TT	Tên huyện/thành phố	Diện tích theo 3 loại rừng (ha)		Tổng cộng
		Phòng hộ	Sản xuất	
1	Đắk Glong	25	107	132
2	Đắk Míl	0	1	1
3	Đắk R'lấp	8	5	13
4	Đắk Song	3	16	19
5	Gia Nghĩa	0	4	4
6	Krông Nô	3	16	19
7	Tuy Đức	7	46	53
Tổng cộng		46	195	241

b) Loài cây lâm nghiệp đưa vào thực hiện trồng Nông lâm kết hợp và cây phân tán

Căn cứ quy định của pháp luật về lâm nghiệp; căn cứ tài liệu nghiên cứu và các mô hình trong thực tiễn trên địa bàn vùng Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng, Đề án đã lựa chọn một số loài cây để phát triển rừng bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán, được phân thành 03 nhóm như sau:

- Nhóm các loài cây lâm nghiệp đa tác dụng: Điều (Đào lộn hột), Mắc ca, Giỏi ăn hạt, Trám đen, Trám trắng, Bời lời đỏ... là các loài cây được người dân trồng ghi nhận về hiệu quả kinh tế.

- Nhóm các loài cây lâm nghiệp cho sản phẩm gỗ:

+ Các loài cây có khả năng cố định đạm: Sưa đỏ, Giáng hương, Cà te (Gỗ đỏ), Muồng đen (họ đậu); Dầu đọt tím (họ dầu).

+ Các loài cây gỗ giá trị kinh tế cao, sinh trưởng nhanh: Sao đen, Dầu rái, Vù Hương (xá xị), Tách, Lõi thọ, Thiên ngân...

c) Biện pháp kỹ thuật:

- Mật độ trồng: Căn cứ quy hoạch sử dụng đất; căn cứ quy trình trồng, chăm sóc các loài cây và mục tiêu sản xuất, kinh doanh của các mô hình lựa chọn mật độ trồng từ 200 cây/ha đối với đất rừng sản xuất và từ 400 cây/ha đối với đất rừng phòng hộ trở lên.

- Biện pháp kỹ thuật

+ Thời vụ trồng: Trồng vào mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, khi có mưa nhỏ và thường xuyên;

+ Phương thức trồng: Trồng bằng cây con có bầu;

+ Tiêu chuẩn cây con đem trồng: Đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, cây con phải được huấn luyện trước khi đem trồng; thân cây phân gốc đã hóa gỗ, cây thẳng, không sâu bệnh, không cụt ngọn hoặc vỡ bầu;

+ Chăm sóc rừng sau khi trồng: Được thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật của từng loài cây trồng cụ thể, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn;

+ Quản lý bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng trồng: Bảo vệ rừng trồng không để người dân, động vật nuôi phá hoại; tiến hành phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

4. Đối tượng và hình thức thực hiện

4.1. Đối tượng thực hiện

- Các đơn vị chủ rừng theo bảng thống kê, rà soát đất đai thực hiện Đề án: Các Ban quản lý rừng phòng hộ: Đắk Măng, Gia Nghĩa, Nam Cát Tiên, Vành đai Biên giới; các Công ty TNHH MTV: Đầu tư phát triển Đại Thành, Lâm nghiệp Đức Hòa, Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên, Lâm nghiệp Quảng Sơn; Công ty TNHH Lâm nghiệp Đắk N'Tao; Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung; Trung đoàn 726; các Cộng đồng: Bon Choih, thôn Phú Lợi, huyện Krông Nô.

- Các hộ gia đình, cá nhân đang canh tác trên diện tích được các đơn vị chủ rừng lựa chọn thực hiện Đề án, đồng ý ký hợp đồng trồng rừng theo quy định của pháp luật.

4.2. Hình thức thực hiện

Căn cứ quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương, chủ rừng lựa chọn hình thức thực hiện cho phù hợp như: Khoán theo Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ; liên doanh, liên kết hoặc tự triển khai thực hiện nếu đủ điều kiện.

4.3. Quyền lợi, nghĩa vụ các bên khi tham gia trồng rừng

Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và hợp đồng giao khoán, liên doanh, liên kết được giao kết giữa 2 bên.

5. Cơ chế hưởng lợi

Việc xác định cơ chế hưởng lợi giữa các bên trên cơ sở quy định của pháp luật có liên quan, hợp đồng ký kết và tình hình thực tế. Tuy nhiên, cần cụ thể và đầy đủ trong nội dung hợp đồng, tránh trường hợp tranh chấp quyền lợi giữa các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; đồng thời, xác định đầy đủ giá trị vốn góp của phía đơn vị chủ rừng, đảm bảo không làm thất thoát và sử dụng hiệu quả tài sản Nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện của Đề án từ năm 2022 - 2025, trên cơ sở Đề án được phê duyệt, đơn vị chủ rừng tổ chức rà soát, khối lượng xây dựng dự án, hồ sơ thiết kế dự toán trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật để làm cơ sở triển khai Đề án, cụ thể:

- Đối với diện tích trồng Nông lâm kết hợp:

STT	Tên chủ rừng	Tổng diện tích (ha)	Kế hoạch và khối lượng thực hiện theo các năm (ha)			
			2022	2023	2024	2025
1	Ban quản lý rừng phòng hộ Đắc Măng	750	20	200	250	280
2	Ban quản lý rừng phòng hộ Gia Nghĩa	865	50	200	300	315
3	Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Cát Tiên	55		25	30	
4	Ban quản lý rừng phòng hộ Vành đai Biên giới	500	20	150	150	180
5	Công ty TNHH Lâm nghiệp Đắc N'Tao	750	20	200	260	270
6	Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Đại Thành	50			20	30
7	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đức Hòa	700	50	200	200	250
8	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	900	200	200	200	300
9	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quảng Sơn	800	50	200	250	300
10	Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung	25		25		
11	Trung đoàn 726	280	30	50	100	100
12	Cộng đồng Bon Choih, huyện Krông Nô	110	10	30	30	40

13	Cộng đồng thôn Phú Lợi, huyện Krông Nô	140	10	40	40	50
Tổng cộng		5.925	460	1.520	1.830	2.115

- Trồng cây phân tán:

STT	Tên huyện/thành phố	Tổng cộng (ha)	Diện tích thực hiện theo các năm (ha)			
			2022	2023	2024	2025
1	Đắk Glong	132	25	30	35	42
2	Đắk Mil	1	1			
3	Đắk R'lấp	13	2	3	4	4
4	Đắk Song	19	5	5	4	5
5	Gia Nghĩa	4	2	2		
6	Krông Nô	19	4	5	5	5
7	Tuy Đức	53	10	13	15	15
Tổng cộng		241	49	58	63	71

7. Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án là 120.910 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn nhà nước: 83.001 triệu đồng, chiếm 68,65%, gồm:

+ Ngân sách Nhà nước 28.833 triệu đồng, chiếm 23,85% so với tổng nhu cầu (Ngân sách Trung ương 25.018 triệu đồng, địa phương 3.815 triệu đồng);

+ Nguồn kinh phí từ trồng rừng thay thế tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ; nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng không xác định được hoặc chưa xác định được đối tượng thụ hưởng, tiền dịch vụ môi trường rừng của các chủ rừng để lại thực hiện đầu tư 54.168 triệu đồng, chiếm 44,80% so với tổng nhu cầu;

- Nguồn vốn khác (vốn xã hội hóa) 37.909 triệu đồng, chiếm 31,35% so với tổng nhu cầu.

8. Tổ chức thực hiện

8.1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Là cơ quan đầu mối, tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, quy định, hướng dẫn, đơn đốc và kiểm tra giám sát đơn vị có liên quan thực hiện Đề án với một số nội dung chủ yếu sau:

- Thẩm định dự án; thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình lâm sinh phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán đối với dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyên truyền nội dung Đề án đến các chủ rừng, đối tượng hộ

gia đình được biết, thực hiện theo quy định.

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm kiểm tra, giám sát và đôn đốc các đơn vị chủ rừng việc tổ chức thực hiện Đề án. Định kỳ 6 tháng, năm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án, các nội dung vướng mắc, phát sinh (nếu có), tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh giải ngân nguồn tiền trồng rừng thay thế; tiền dịch vụ môi trường rừng thu từ bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng không xác định được hoặc chưa xác định được đối tượng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, đôn đốc, giám sát và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới cơ chế, quy định nhằm thực hiện Đề án Phát triển rừng bền vững bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và các địa phương rà soát danh mục các hoạt động trong Đề án để bố trí vốn thực hiện; đồng thời, rà soát, đề xuất bổ sung nguồn vốn ODA để thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét việc sử dụng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện Đề án.

- Tổ chức quản lý, giám sát việc thực hiện Đề án đạt được các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra, gắn kết việc thực hiện Phát triển rừng bền vững bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán trên địa bàn toàn tỉnh.

8.2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối nguồn vốn hỗ trợ để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

8.3. Giao Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thông các huyện, thành phố Gia Nghĩa, Báo Đắk Nông tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin kịp thời hoạt động trồng rừng Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán trên diện tích đất chưa có rừng quy hoạch phát triển rừng hiện đang sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp.

8.4. Giao UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố Gia Nghĩa chủ trì, phối hợp cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn huyện, thành phố Gia Nghĩa; lập Dự án Phát triển rừng bền vững bằng phương thức trồng cây phân tán; lập thiết kế và dự toán công trình lâm sinh phát

trien rừng bền vững bằng phương thức trồng cây phân tán đối với diện tích do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo UBND cấp xã

+ Chủ trì, phối hợp các đơn vị chủ rừng tổ chức họp dân tuyên truyền, vận động, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định về bảo vệ và phát triển rừng tới từng cộng đồng, thôn, buôn và các cá nhân, hộ gia đình đang sản xuất nông nghiệp trên đất quy hoạch phát triển rừng để người dân hiểu, tham gia tích cực vào công tác phát triển rừng bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh;

+ Phối hợp các đơn vị chủ rừng, kiểm tra, rà soát diện tích sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp trên đất quy hoạch phát triển rừng của từng hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn để lập danh sách các hộ tham gia, xây dựng kế hoạch; phối hợp kiểm tra, giám sát, xử lý các hộ gia đình, cá nhân vi phạm các điều khoản đã ký kết;

+ Hỗ trợ các đơn vị chủ rừng xử lý các đối tượng có hành vi lấn, chiếm đất quy hoạch phát triển rừng, không thực hiện việc phát triển rừng bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán theo quy định của pháp luật;

+ Niêm yết công khai diện tích, danh sách các hộ gia đình, cá nhân tham gia Đề án tại trụ sở UBND cấp xã, thôn, buôn theo quy định.

8.4. Các đơn vị chủ rừng

- Sau khi Đề án được phê duyệt, các đơn vị chủ rừng có trách nhiệm cùng chính quyền địa phương thực hiện khảo sát, điều tra chi tiết hiện trạng sử dụng đất trên diện tích quy hoạch phát triển rừng; lập danh sách các hộ gia đình tham gia Đề án. Xây dựng Dự án phát triển rừng bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Trên cơ sở Dự án phát triển rừng bằng phương thức Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán được cấp thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị chủ rừng lập hồ sơ thiết kế, dự toán trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

- Tổ chức ký kết, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục có liên quan: Hợp đồng giao khoán hoặc hợp đồng liên doanh, liên kết trồng rừng Nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán; Biên bản kiểm tra; Bản cam kết cho các cá nhân, hộ gia đình tham gia thực hiện Đề án theo quy định.

- Hướng dẫn kỹ thuật, giám sát hộ gia đình, cá nhân nhận khoán cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng khoán.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác quản lý, giám sát và đôn đốc việc trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng của người dân theo đúng kế hoạch, phương án đã được phê duyệt; phối hợp tổ chức nghiệm thu trồng rừng đối với hộ gia đình, làm cơ sở để giải ngân tiền hỗ trợ của Nhà nước theo đúng quy định.

- Định kỳ, báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Thủ trưởng các đơn vị chủ rừng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT. Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN(Ch).

2



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên